

**PHÂN TÍCH DANH MỤC THUỐC SỬ DỤNG
TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CƯ KUIN NĂM 2022**

Nguyễn Thị Diệu Linh^{1}, Phạm Hoàng Phương Trinh¹, Lê Quang Lạc²,
Trần Thị Lan Chi¹, Nguyễn Thị Huệ³*

1. Trường Đại học Y Dược Buon Ma Thuot

2. Trung tâm Y tế huyện Cư Kuin

3. Sở Y tế Đắk Lắk

*Email: ntdlinh@bmtuvietnam.com

Ngày nhận bài: 10/6/2024

Ngày phản biện: 29/7/2024

Ngày duyệt đăng: 10/8/2024

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Cơ cấu danh mục các thuốc sử dụng tại các cơ sở khám chữa bệnh thể hiện được một số bất cập trong việc kê đơn, sử dụng thuốc để từ đó có các biện pháp khắc phục và nâng cao chất lượng việc quản lý tồn trữ và mua sắm thuốc hợp lý hơn. **Mục tiêu nghiên cứu:** Nghiên cứu được tiến hành nhằm phân tích danh mục thuốc đã sử dụng tại trung tâm để đưa ra những bất cập và có giải pháp điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao tính hợp lý trong sử dụng thuốc. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang hồi cứu danh mục thuốc sử dụng tại Trung tâm y tế huyện Cư Kuin năm 2022. **Kết quả:** Danh mục thuốc sử dụng gồm 226 khoản mục tương ứng với hơn 4,88 tỷ đồng. Trong đó thuốc hoá dược chiếm 86,73% số khoản mục và 86,47% giá trị sử dụng chia thành 21 nhóm tác dụng, cao nhất là nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng và chống nhiễm khuẩn (32,91% giá trị sử dụng). Thuốc sản xuất trong nước sử dụng chủ yếu với 71,88% giá trị sử dụng. Thuốc dùng đường uống chiếm ưu thế với 70,35% số khoản mục và 86,47% giá trị sử dụng. Danh mục thuốc hóa dược chủ yếu dạng đơn chất (81,63% số khoản mục và 62,67% giá trị sử dụng). Cơ cấu các thuốc sử dụng phân theo hạng ABC về tỷ lệ khoản mục: hạng A chiếm 19,91%, hạng B chiếm 22,57%, hạng C chiếm 57,52%. Các thuốc nhóm V, E, N chiếm tỷ lệ về số khoản mục và giá trị tương ứng là 14,16%; 73,89%; 11,95% và 4,10%; 85,19%; 10,71%. Nhóm thuốc không thiết yếu nhưng giá trị cao AN với 5 khoản mục (2,21%) và có giá trị 276 triệu đồng (5,66%). **Kết luận:** Cơ cấu thuốc sử dụng tại Trung tâm y tế huyện Cư Kuin năm 2022 tương đối hợp lý tuy nhiên các thuốc không thiết yếu (thuốc nhóm N) còn sử dụng nhiều.

Từ khóa: Trung tâm y tế huyện Cư Kuin, Danh mục thuốc, Giá trị sử dụng, ABC, VEN.

ABSTRACT

**ANALYSIS OF DRUGS LIST USED
AT CU KUIN DISTRICT MEDICAL CENTER IN 2022**

Nguyen Thi Dieu Linh^{1}, Pham Hoang Phuong Trinh¹, Le Quang Lac²,
Tran Thi Lan Chi¹, Nguyen Thi Hue³*

1. Buon Ma Thuot Medical University

2. Cu Kuin District Medical Center

3. Dak Lak Health Department

Background: The structure of the list of drugs used at medical examination and treatment facilities shows some inadequacies in prescribing and using drugs, from which measures can be taken to overcome and improve the quality of storage and management. Buy drugs more reasonably.

Objectives: To analyze the list of drugs used at the hospital to identify shortcomings and have timely corrective solutions to improve the rationality of drug use. **Materials and methods:** Cross sectional

study of the list of drugs used at Cu Kuin Medical District Center in 2022. **Results:** The list of used drugs included 226 items corresponding to more than 4.88 billion VND. Of which, pharmaceutical chemicals account for 86.73% of the items and 86.47% of the value of use, divided into 21 groups of effects, the highest being the group of anti-parasitic and anti-infection drugs (32.91% of use value). Domestically produced drugs are mainly used with 71.88% of their value. Oral drugs dominate with 70.35% of items and 86.47% of usage value. The list of medicinal chemicals was mainly in the form of single substances (81.63% of items and 62.67% of use value). The structure of drugs used was classified according to ABC class in terms of item ratio: class A accounts for 19.91%, class B accounts for 22.57%, class C accounts for 57.52%. Drugs of groups V, E, and N account for the number of items and corresponding value of 14.16%; 73.89%; 11.95% and 4.10%; 85.19%; 10.71%. Non-essential but high-value drugs group AN with 5 items (2.21%) and worth 276 million VND (5.66%). **Conclusions:** The structure of drugs used at Cu Kuin District Medical Center in 2022 is relatively reasonable, but non-essential drugs (group N drugs) are still widely used.

Keywords: Cu Kuin district medical center, Drug list, Use value, ABC, VEN.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo tổ chức Y tế thế giới (WHO), kinh phí mua thuốc chiếm khoảng 20 – 40% ngân sách ngành Y tế của nhiều nước, phần lớn số tiền đó bị lãng phí do lựa chọn, sử dụng thuốc không hợp lý [1]. Chính vì vậy lựa chọn xây dựng danh mục thuốc là hoạt động giữ vị trí rất quan trọng đã và đang được các bệnh viện quan tâm. Danh mục thuốc được xây dựng tốt giúp tăng cường sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả, mua sắm thuốc và lưu trữ thuận tiện, dễ dàng hơn. Để đánh giá được hiệu quả của việc xây dựng danh mục thuốc, cần thường xuyên theo dõi tiến hành phân tích cơ cấu danh mục thuốc trong thời gian nhất định, để có thể kịp thời phát hiện ra những bất cập trong việc sử dụng thuốc tại cơ sở khám chữa bệnh.

Trung tâm y tế huyện Cư Kuin là cơ sở y tế tuyến huyện trực thuộc Sở Y tế Đắk Lắk. Hàng năm Trung tâm y tế sử dụng một số lượng thuốc nhất định để phục vụ cho công tác khám chữa bệnh tại khu vực, do đó việc tăng cường sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả, hợp lý là vấn đề cấp thiết hiện nay. Để thực hiện tốt vấn đề này, không thể thiếu được nhiệm vụ đó là lựa chọn danh mục thuốc hợp lý vì vậy đề tài “Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại trung tâm y tế huyện Cư Kuin” được tiến hành với các mục tiêu: 1) Phân tích cơ cấu danh mục thuốc sử dụng tại trung tâm y tế huyện Cư Kuin. 2) Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại trung tâm y tế huyện Cư Kuin theo phương pháp ABC, VEN.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Danh mục thuốc (DMT) gồm 226 thuốc đã sử dụng tại trung tâm y tế (TTYT) huyện Cư Kuin từ 01/01/2022 - 31/12/2022.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang hồi cứu các số liệu liên quan đến DMT đã sử dụng.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** hồi cứu các số liệu từ báo cáo nhập - xuất - tồn toàn viện từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022 vào bảng thu thập số liệu.

- **Xử lý và phân tích số liệu:**

Phân tích cơ cấu DMT sử dụng theo các chỉ tiêu nghiên cứu:

+ Căn cứ theo thông tư 20/2022/TT – BYT và thông tư 05/2015/TT – BYT để phân loại thành 2 nhóm thuốc: thuốc hóa dược và chế phẩm y học cổ truyền [2], [3]

+ Căn cứ theo phụ lục I thông tư 20/2022/TT – BYT để phân nhóm tác dụng dược lý của các thuốc hóa dược [2]

+ Căn cứ vào thông tin nước sản xuất để phân DMT sử dụng theo nguồn gốc xuất xứ gồm 2 nhóm: Thuốc sản xuất trong nước và thuốc nhập khẩu

+ Tra cứu theo danh mục biệt dược gốc (BDG) do Bộ Y tế công bố phân chia DMT hóa dược thành 2 nhóm: Thuốc biệt dược gốc và thuốc generic [4]

+ Dựa vào số lượng thành phần hoạt chất của thuốc phân chia DMT hóa dược làm 2 nhóm: thuốc đơn thành phần và thuốc đa thành phần

+ Dựa vào dữ liệu đường dùng của thuốc phân chia DMT theo đường dùng gồm các nhóm: Đường tiêm – tiêm truyền, đường uống, đường dùng khác

+ Phân tích DMT sử dụng tại TTYT huyện Cư Kuin theo phương pháp ABC, VEN dựa trên hướng dẫn của Bộ Y tế tại Thông tư số 21/2013, DMT thiết yếu của WHO, DMT thiết yếu năm 2018 do Bộ Y tế ban hành [5], [6], [7].

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Cơ cấu danh mục thuốc theo phân loại thuốc hóa dược, chế phẩm y học cổ truyền

DMT sử dụng tại TTYT huyện Cư Kuin năm 2022 gồm 226 khoản mục và có giá trị sử dụng (GTSD) là 4.888.992.254 VNĐ, được chia làm 2 nhóm: Nhóm thuốc hoá dược có 196 KM chiếm 86,73% tổng số khoản mục (SKM) và chiếm 86,47% về tổng GTSD. Nhóm thuốc chế phẩm YHCT có 30 KM, chiếm 13,27% tổng SKM và 13,53% tổng GTSD.

3.2. Cơ cấu danh mục thuốc hóa dược theo nhóm tác dụng dược lý

DMT hóa dược sử dụng tại bệnh viện năm 2022 được chia thành các nhóm tác dụng dược lý với SKM và GTSD được trình bày theo bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Cơ cấu danh mục thuốc hóa dược theo nhóm tác dụng dược lý

ST T	Nhóm TDDL	Khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn	32	16,33	1.391.440.710	32,91
2	Hocmon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết	11	5,61	656.270.177	15,52
3	Thuốc tim mạch	21	10,71	575.065.733	13,60
4	Thuốc đường tiêu hoá	18	9,18	468.170.337	11,07
5	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid, thuốc điều trị gout và các bệnh xương khớp	19	9,69	313.094.834	7,41
6	Khoáng chất và vitamin	14	7,14	312.104.610	7,38
7	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	11	5,61	131.364.908	3,11
8	Thuốc chống dị ứng và dùng trong các trường hợp quá mẫn	6	3,06	125.719.053	2,97
9	Dung dịch điều chỉnh nước, điện giải, cân bằng acid - base và các dung dịch tiêm truyền khác	21	10,71	101.062.923	2,39

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 78/2024

ST T	Nhóm TDDL	Khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
10	Thuốc chống rối loạn tâm thần và thuốc tác động lên hệ thần kinh	12	6,12	71.329.452	1,69
11	Thuốc tẩy trùng và sát khuẩn	1	0,51	22.041.600	0,52
12	Thuốc gây tê, gây mê, thuốc giãn cơ, giải giãn cơ	10	5,10	16.658.763	0,39
13	Thuốc tác dụng đối với máu	4	2,04	12.372.050	0,29
14	Thuốc có tác dụng thúc đẻ, cầm máu sau đẻ và chống đẻ non	3	1,53	12.398.468	0,29
15	Thuốc điều trị bệnh mắt, tai mũi họng	1	0,51	5.885.838	0,14
16	Thuốc chống co giật, chống động kinh	3	1,53	4.868.452	0,12
17	Thuốc điều trị đau nửa đầu	1	0,51	3.198.750	0,08
18	Thuốc lợi tiểu	4	2,04	1.225.031	0,03
19	Thuốc giải độc và các thuốc dùng trong trường hợp ngộ độc	2	1,02	1.332.310	0,03
20	Thuốc điều trị bệnh da liễu	1	0,51	1.330.350	0,03
21	Thuốc làm mềm cơ và ức chế cholinesterase	1	0,51	712.256	0,02
	Tổng	196	100	4.227.646.605	100

Nhận xét: DMT hoá dược sử dụng gồm 196 khoản mục thuộc 21 nhóm trong đó: Nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn có SKM và GTSD cao nhất. Đứng thứ 2 về GTSD là nhóm thuốc hocmon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết.

3.3. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo nguồn gốc xuất xứ

Thuốc sản xuất trong nước (SXTN) chiếm tỷ lệ lớn với 182 SKM (80,53% tổng SKM) tương ứng với 3.514.241.811 VNĐ (71,88% tổng GTSD). Thuốc nhập khẩu có 44 KM (19,47% tổng SKM) tương ứng với 1.374.750.442 VNĐ (chiếm 28,12% tổng GTSD).

3.4. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo đường dùng

Các thuốc sử dụng đường uống chiếm tỷ trọng lớn nhất cả về SKM (70,35%) cũng như về GTSD (86,47%). Thuốc tiêm, tiêm truyền chiếm 22, 47% SKM và 11, 81% GTSD. Thuốc đường dùng khác thấp nhất về SKM (7,08%) và GTSD (1,72%).

3.5. Cơ cấu danh mục thuốc hoá dược sử dụng theo thành phần

Trong DMT hoá dược sử dụng tại trung tâm, thuốc đơn chất chiếm tỷ lệ lớn với 160 KM chiếm 81,63% tổng SKM và chiếm 62,67% tổng GTSD. Thuốc đa chất với 36 KM (chiếm 18,37% tổng SKM) chiếm 37,33% tổng GTSD.

3.6. Cơ cấu danh mục thuốc hoá dược sử dụng theo biệt dược gốc và generic

Trong số 196 thuốc hoá dược sử dụng thì thuốc generic chiếm 98,98% tổng SKM tương ứng với 99,71% tổng GTSD thuốc hoá dược, thuốc BDG chỉ có 2 khoản mục chiếm 1,02% tổng SKM tương ứng với 0,29% tổng GTSD thuốc hoá dược.

3.7. Phân tích danh mục thuốc sử dụng theo phương pháp ABC/VEN

Phân tích DMT sử dụng theo ABC/VEN cho ra được kết quả trong bảng 2:

Bảng 2. Ma trận ABC/VEN

Hạng	Nhóm thuốc	Khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
A	V	2	0,88	123.331.496	2,52
	E	38	16,81	3.493.009.513	71,45
	N	5	2,21	276.606.390	5,66
B	V	3	1,33	48.048.988	0,98
	E	35	15,49	481.600.048	9,85
	N	13	5,75	217.727.048	4,45
C	V	27	11,95	29.221.898	0,60
	E	94	41,59	190.268.386	3,89
	N	9	3,98	29.178.486	0,60
Tổng		226	100	4.888.992.252	100

Nhận xét: Thuốc hạng A có 19,91% SKM và 79,63% GTSD. Thuốc hạng B có 22,57% SKM và 15,29% GTSD. Thuốc hạng C có 57,52% SKM và 5,09% GTSD.

DMT sử dụng có 32 thuốc được xếp vào nhóm V tương ứng với 4,1% GTSD. Nhóm E là nhóm có SKM (73,89%) và GTSD (85,19%) cao nhất. Các thuốc nhóm N chiếm 11,95% SKM và tương ứng với 10,71% GTSD. Nhóm AN chiếm 2,21% tổng SKM tương ứng với 5,66% tổng GTSD.

Cơ cấu DMT theo phân tích ma trận ABC/VEN được trình bày trong bảng 3

Bảng 3. Cơ cấu danh mục thuốc theo phân tích ma trận ABC/VEN

STT	Nhóm thuốc	Khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Nhóm I (AV, BV, CV, AE, AN)	75	33,19	3.970.218.284	81,21
2	Nhóm II (BE, CE, BN)	142	62,83	889.595.482	18,20
3	Nhóm III (CN)	9	3,98	29.178.486	0,60
Tổng		226	100	4.888.992.252	100

IV. BÀN LUẬN

4.1. Về cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo phân loại thuốc hoá dược và thuốc chế phẩm y học cổ truyền

DMT sử dụng tại Trung tâm có nhóm thuốc hoá dược chiếm tỷ lệ lớn (86,47% tổng GTSD). Kết quả tương tự với TTYT huyện An Dương thuốc hoá dược có GTSD chiếm 85% [8]. Kết quả nhóm thuốc hoá dược nhiều hơn rất nhiều có thể vì nhóm thuốc hoá dược có tác dụng điều trị nhanh chóng hơn so với những thuốc YHCT. Nhóm thuốc hóa dược chiếm phần lớn DMT phù hợp với mô hình bệnh tật, đáp ứng đủ nhu cầu điều trị và chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn huyện. Nhóm thuốc YHCT là các thuốc chỉ có tác dụng hỗ trợ nhiều và chưa có tác dụng điều trị rõ ràng nhưng GTSD của nhóm này còn tương đối cao, cần cần nhắc hạn chế sử dụng các thuốc nhóm này.

4.2. Về cơ cấu danh mục thuốc hóa dược theo nhóm tác dụng dược lý

Kết quả nghiên cứu của trung tâm tương tự một số BVĐK huyện cho thấy tỷ lệ GTSD nhóm điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn chiếm tỷ lệ cao nhất cụ thể: tại BVĐK huyện Thanh Hà chiếm 22,3% tổng GTSD, tại BVĐK huyện Thanh Trì chiếm

24,16% tổng SKK và 30,33% tổng GTSD [9], [10]. Tình trạng đề kháng kháng sinh đang là vấn đề bất cập vì vậy trung tâm cần xem xét tính hợp lý trong sử dụng nhóm thuốc này.

4.3. Về cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo nguồn gốc xuất xứ

GTSD thuốc SXTN của TTYT Cư Kuin (71,88% GTSD) cao hơn rất nhiều so với TTYT huyện An Dương (45,77% GTSD) và BVĐK huyện Thanh Trì (37,87% GTSD) [8], [10]. Đề án “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam” đặt ra: đến năm 2020, tỷ lệ sử dụng thuốc SXTN chiếm 75% ở tuyến huyện [11]. TTYT huyện Cư Kuin đã ưu tiên sử dụng thuốc SXTN đạt theo đề án đã đặt ra. Tuy nhiên Trung tâm vẫn còn dùng nhiều thuốc nhập khẩu, cần xem xét thay thế bằng thuốc SXTN có chi phí thấp hơn để tiết kiệm ngân sách.

4.4. Về cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo đường dùng

Tỷ lệ thuốc đường uống của Trung tâm (70,35% SKM và 86,47% GTSD) cao hơn so với BVĐK huyện Thanh Trì (62,20% SKM, 61,26% GTSD) [10]. Các thuốc đường tiêm, tiêm truyền chiếm 11,81% GTSD thấp hơn BVĐK huyện Thanh Hà chiếm 32,6% GTSD [9]. TTYT huyện Cư Kuin đã chú trọng việc sử dụng thuốc dạng đường uống nhưng vẫn cần quản lý, kiểm soát chặt chẽ để tránh việc lạm dụng thuốc tiêm, tiêm truyền theo khuyến nghị chỉ dùng đường tiêm khi người bệnh không uống được thuốc hoặc khi sử dụng thuốc đường uống không đáp ứng được yêu cầu điều trị hoặc với thuốc chỉ dùng đường tiêm [12].

4.5. Về cơ cấu danh mục thuốc hoá dược sử dụng theo thành phần

Dựa vào kết quả nghiên cứu cho thấy trong quá trình lựa chọn thuốc Trung tâm đã ưu tiên lựa chọn thuốc đơn chất. Kết quả tương tự tại BVĐK huyện Thanh Hà, thuốc đơn chất chiếm 84,1% SKM tương ứng với 74,4% GTSD [9].

Trung tâm vẫn còn dùng khá nhiều các thuốc đa chất như vitamin, kháng sinh phối hợp, thuốc tim mạch,... Vì vậy cần phân tích cụ thể để xem có hợp lý chưa.

4.6. Về cơ cấu danh mục thuốc hoá dược sử dụng theo biệt dược gốc và generic

Thuốc BDG chỉ sử dụng 2 khoản mục và chiếm 0,29% tổng GTSD. Theo công văn 3968/BHYT – DVT thống nhất tỷ lệ sử dụng BDG tại các cơ sở khám chữa bệnh theo chỉ đạo của Chính phủ quy định đối với bệnh viện hạng 3 tỷ lệ sử dụng BDG không quá 4% so với tổng chi thuốc [13]. TTYT huyện Cư Kuin đã ưu tiên sử dụng các thuốc generic trong điều trị, phù hợp với yêu cầu theo công văn trên.

4.7. Về cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo phương pháp ABC/VEN

Theo khuyến nghị thông thường các thuốc hạng A chiếm 10 - 20% tổng số sản phẩm, hạng B chiếm từ 10 - 20% và hạng C chiếm 60 - 80% [5]. Nhưng tỷ lệ về SKM các thuốc hạng A, B, C tại trung tâm lần lượt là 19,91%; 22,57%; 57,52%. Tỷ lệ này cho thấy cơ cấu mua sắm tại Trung tâm chưa đạt được mức tỷ lệ khoản mục theo khuyến cáo.

Việc phân tích theo ma trận ABC/VEN cho ra kết quả GTSD nhóm I, II, III lần lượt là 81,21%; 18,2%; 0,6%. Kết quả của Trung tâm khá tương đồng với BVĐK huyện Thanh Trì các nhóm I, II, III lần lượt là 80,44%; 18,99%; 0,56% [10]. Nhóm thuốc AN là nhóm không cần thiết nhưng lại chiếm GTSD cao, trung tâm có 5 SKM với giá trị 276.606.390 đồng, cần loại bỏ hoặc hạn chế sử dụng để tối ưu chi phí.

V. KẾT LUẬN

Danh mục thuốc sử dụng tại trung tâm tương đối đầy đủ với 2 nhóm thuốc hóa dược và chế phẩm y học cổ truyền. Trung tâm đã ưu tiên sử dụng thuốc SXTN và thuốc generic.

Trung tâm đã ưu tiên sử dụng thuốc đơn chất tuy nhiên giá trị thuốc đa chất khá cao cần đánh giá tính hợp lý của các thuốc đa chất để đảm bảo sử dụng hợp lý, hiệu quả. Nhóm thuốc thiết yếu V và E đã được bệnh viện sử dụng với số lượng lớn cũng như tiêu tốn nhiều chi phí mua sắm. Tuy nhiên vẫn còn một tỷ lệ lớn nhóm thuốc không thiết yếu N được sử dụng. Ngoài ra trung tâm vẫn còn một tỷ lệ nhóm thuốc AN, cần nghiên cứu xem xét loại bỏ nhóm thuốc này ra khỏi danh mục thuốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. World Health Organization (WHO). Drug and therapeutics committees A practical guide. WHO. 2003.1
 2. Bộ Y tế. Thông tư số 20/2022/TT – BYT ngày 31/12/2022 quy định về ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hoá dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia Bảo hiểm y tế. 2022.
 3. Bộ Y tế. Thông tư 05/2015/TT – BYT ngày 17/03/2015 quy định về ban hành danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế. 2015.
 4. Cục Quản lý Dược. Quyết định về việc ban hành các danh mục thuốc biệt dược gốc từ đợt 1 đến đợt 22. 2013 – 2022.
 5. Bộ Y tế. Thông tư số 21/2013/TT – BYT ngày 08/08/2013 quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thuốc và điều trị trong bệnh viện. 2013.
 6. World Health Organization. Model Lists of Essential Medicines (EML) 20th. 2017.
 7. Bộ Y tế. Thông tư số 19/2018/TT – BYT ngày 30/08/2018 quy định về ban hành danh mục thuốc thiết yếu. 2018.
 8. Đồng Thị Hương. Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Trung tâm y tế huyện An Dương, Hải Phòng năm 2019. Trường Đại học Dược Hà Nội. 2020. 33, 40.
 9. Nguyễn Thị Mai. Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện đa khoa huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương năm 2017. Trường Đại học Dược Hà Nội. 2019. 30, 35, 36.
 10. Nguyễn Thị Thuỳ Dương. Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện đa khoa huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội năm 2018. Trường Đại học Dược Hà Nội. 2020. 27, 30, 32, 37.
 11. Bộ Y tế. Số 4824/QĐ – BYT quyết định phê duyệt đề án Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam. 2012.
 12. Bộ Y tế. Thông tư số 23/2011/TT – BYT ngày 10/06/2011 quy định hướng dẫn sử dụng thuốc trong các cơ sở y tế có giường bệnh. 2011.
 13. Công văn 3968/BHXH – DVT ngày 08/09/2017 thống nhất tỷ lệ sử dụng biệt dược gốc tại các cơ sở khám chữa bệnh theo chỉ đạo của Chính phủ.
-